

Bản án số: 133/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/6/2023

*“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Thị Bích.

2. Ông Nguyễn Hồng Phương.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Kim Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Vân Anh- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 16/6/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXX-ST ngày 12/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2023/QĐ-ST ngày 30/5/2023, giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1986.

Nơi thường trú: Thôn Chăng, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh B.

Nơi ở: Số 254, đường Phú Nông, Quận Đông, thành phố Đài Nam, Đài Loan. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**+ Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản tố tụng của chị Nguyễn Thị L** là ông Phan Thế Quang; ông Phạm Tiến Huy.

Cùng địa chỉ: Số 32, Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

**\* Bị đơn:** Anh Phan Văn Đ, sinh năm: 1978.

Nơi đăng ký thường trú : Thôn Chăng, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh B. (Vắng mặt).

(Hiện đang lao động tại nước ngoài)

+ **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông Phan Văn T, sinh năm: 1939. (Vắng mặt).

Trú quán: Thôn Chăng, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 02/3/2023 nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày (có xác nhận của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc).*

Chị và anh Phan Văn Đ có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vào ngày 13/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau đến tháng 11/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu từ việc chị đi nước ngoài lao động ở Đài Loan về thì phát hiện anh Đ không còn chung thủy và có quan hệ tình cảm với người khác, chị nghĩ muốn kết thúc hôn nhân nhưng anh Đ không đồng ý và thường xuyên bạo hành chị. Việc bạo hành diễn ra nhiều lần khiến cho mối quan hệ vợ chồng hết sức nặng nề. Chị đã nhiều lần tìm cách tháo gỡ vướng mắc nhưng mâu thuẫn vẫn không nhưng không được giải quyết mà ngày càng lớn. Từ năm 2015 đến nay chị và anh Đ đã sống ly thân. Trong thời gian đó, tôi được biết anh Đ đã chung sống với người phụ nữ khác. Nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

*Về con chung:* Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Phan Văn Kết, sinh ngày 08/6/2005 và cháu Phan Thế Phong, sinh ngày 16/6/2010. Hiện nay các cháu đang ở với anh Đ. Ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Phan Thế Phong và giao cho anh Phan Văn Đ nuôi dưỡng cháu Phan Văn Kết.

*Về cấp dưỡng nuôi con,* không đề nghị giải quyết.

*Về tài sản chung, công nợ:* Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L còn trình bày: Hiện nay anh Đ vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì chị không liên lạc được với anh Đ, anh Đ vẫn liên lạc về cho bố anh Đ là ông Phan Văn T, trú tại: Thôn Chăng, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh B. Đề nghị Tòa án xác minh địa chỉ của anh Đ thông qua bố đẻ của anh Đ.

Hiện nay, chị đang lao động tại Đài Loan nên chị không thể về tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Đ được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Phan Văn Đ.

Chị cũng ủy quyền cho ông Phan Văn Quang và ông Phạm Tiến Huy có địa chỉ tại Số 32, Đỗ Quang, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, nộp đơn khởi kiện, nộp tạm ứng án phí, nhận bản án, trích lục và các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

*Bị đơn anh Phan Văn Đ không có bản tự khai.*

Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Phan Văn Đ là ông Phan Văn T, sinh năm 1939, trú tại: Thôn Chăng, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông T thông báo cho anh Đ biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn Đ; yêu cầu anh Đ viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua làm việc ông T vẫn giữ nguyên quan điểm là anh Đ ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của anh Đ, ông đồng ý thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Đ biết để anh Đ gửi quan điểm, lời khai về. Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của anh Đ gửi về.

*Tại biên bản làm việc ông Phan Văn T là bố đẻ anh Phan Văn Đ trình bày:* Ông là ông nội của cháu Phan Văn Kết, sinh ngày 08/6/2005 và cháu Phan Thế Phong, sinh ngày 16/6/2010 hiện nay các cháu đang ở với ông. Anh Phan Văn Đ vẫn thường xuyên gửi tiền về cho ông để ông chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Phan Văn Kết và Phan Thế Phong, ông đồng ý nhận nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu trong thời gian anh Đ ở nước ngoài. Về cấp dưỡng nuôi con: Gia đình yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đồng/1 tháng/ 1cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

*Tại đơn trình bày cháu Phan Văn Kết và cháu Phan Thế Phong trình bày:* Các cháu là con của bố Phan Văn Đ bà mẹ Nguyễn Thị L, hiện nay các cháu đang ở cùng với bố Phan Văn Đ và ông bà nội. Nếu bố mẹ các cháu ly hôn thì nguyện vọng của các cháu là được ở với bố cháu là Phan Văn Đ.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phan Văn Đ, ông Phan Văn T vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị L; Biên bản làm việc với bố đẻ của anh Đ là ông Phan Văn T, biên bản lấy lời khai của cháu Phan Văn Kết và cháu Phan Thế Phong và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Phan Văn Đ không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Đ; Căn cứ vào công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao xử vắng mặt anh Đ là đúng.

-Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56; Điều 81, 82, 83, Điều 104, Điều 107, Điều 110 và khoản 2 điều 123; Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phan Văn Đ.

Về con chung: Đến thời điểm xét xử cháu Phan Văn Kết, sinh ngày 08/6/2005 đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết. Giao cháu Phan Thế Phong cho anh Phan văn Đ nuôi dưỡng, chăm sóc. Nhưng tạm giao cháu Phan Thế Phong, sinh ngày 16/6/2010 cho ông Phan Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh Phan Văn Đ ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung của chị L và anh Đ. Cháu Kết đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng. Buộc chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Đ đối với cháu Phan Thế Phong là 2.000.000đồng/ 1 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị L.

Đối với bị đơn anh Phan Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của anh Đ là ông Phan Văn T để giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông T thông báo cho anh Đ biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn Đ; Yêu cầu anh Đ viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu ông T cung cấp địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài. Ông Phan Văn T trình bày: Anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, ông T vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh Đ cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh Đ biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn anh Phan Văn Đ theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Chị Nguyễn Thị L nguyên đơn có đơn xin ly anh Phan Văn Đ, anh Đ hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 7198/QLXNC-P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 04/4/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì anh Đ xuất cảnh ngày 25/9/2017 hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại, địa chỉ cuối cùng của anh Đ ở Việt Nam là: Thôn Chăng, xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. **Về quan hệ Hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn Đ có đăng ký kết hôn ngày 13/9/2004 tại UBND xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, tỉnh B, được Ủy ban nhân dân xã Bảo Đài cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau đến tháng 11/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bắt đầu từ việc chị đi nước ngoài lao động ở Đài Loan về thì phát hiện anh Đ không còn chung thủy và có quan hệ tình cảm với người khác, chị nghĩ muốn kết thúc hôn nhân nhưng anh Đ không đồng ý và thường xuyên bạo hành chị. Việc bạo hành diễn ra nhiều lần khiến cho mối quan hệ vợ chồng hết sức nặng nề. Chị đã nhiều lần tìm cách tháo gỡ vướng mắc nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết mà ngày càng lớn. Từ năm 2015

đến nay chị và anh Đ đã sống ly thân. Trong thời gian đó, chị được biết anh Đ đã chung sống với người phụ nữ khác. Nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị L và anh Đ chung sống với nhau hạnh phúc, đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn kể từ khi chị L đi nước ngoài lao động, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 đến nay, vợ chồng đã cắt đứt mọi liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm giữa chị L và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phan Văn Đ.

**[4]. Về nuôi con chung:** Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Văn Đ có 02 con chung là cháu Phan Văn Kết, sinh ngày 08/6/2005 và cháu Phan Thế Phong, sinh ngày 16/6/2010. Hiện nay hai cháu đang ở với anh Đ và ông bà nội. Ly hôn chị L đề nghị giao cháu Phan Thế Phong cho chị nuôi dưỡng và giao cháu Phan Văn Kết cho anh Đ nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị giải quyết.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về yêu cầu nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy từ khi chị L, anh Đ đi nước ngoài lao động đến nay thì hai cháu Phan Văn Kết và Phan Thế Phong vẫn ở cùng với ông bà nội (bố mẹ anh Đ) các cháu được ông bà nội chăm sóc phát triển bình thường, anh Đ, chị L vẫn thường xuyên gửi tiền về cho bố mẹ anh Đ để nuôi dưỡng và chăm sóc các cháu. Tuy nhiên, đến thời điểm xét xử cháu Kết đã đủ 18 tuổi, nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với cháu Kết.

Do đó, cần giao cháu Phan Thế Phong cho anh Phan Văn Đ nuôi dưỡng là có căn cứ và phù hợp với điều kiện thực tế và tránh xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu.

Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về con chung. Giao con chung là cháu Phan Thế Phong sinh ngày 16/6/2010 cho anh Phan Văn Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi các con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với điều kiện thực tế cũng như quyền và lợi ích về mọi mặt của con chung. Tuy nhiên hiện nay anh Phan Văn Đ đang đi lao động tại nước ngoài nên cần tạm giao cho ông Phan Văn T chăm sóc cháu Phan Thế Phong trong thời gian anh Đ ở nước ngoài.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Phan Văn T yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đ và chị L với số tiền 3.000.000đồng/ cháu/1 tháng. Xét thấy, cháu Kết đã trưởng thành đủ 18 tuổi, nên không xem xét giải quyết về cấp dưỡng nuôi cháu Kết. Xét điều kiện thu nhập của hai bên và mức thu nhập thực tế tại địa phương, cần buộc chị L cấp dưỡng nuôi cháu Phong cho anh Đ với mức cấp dưỡng 2.000.000đồng/1 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi là phù hợp.

**[5]. Về tài sản, công nợ:** Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[6]. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Chị L còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng.

**[7]. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, Điều 107, Điều 110 và khoản 2 Điều 123; Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

**1. Về hôn nhân:** Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phan Văn Đ.

**2. Về con chung:** Giao cho anh Phan Văn Đ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Thế Phong, sinh ngày 16/6/2010 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho ông Phan Văn T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Phan Thế Phong trong thời gian anh Phan Văn Đ ở nước ngoài.

Chị Nguyễn Thị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L thực hiện quyền này.

**3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Buộc chị Nguyễn Thị L phải cấp dưỡng nuôi con chung Phan Thế Phong, sinh ngày 16/6/2010 cho anh Phan Văn Đ 2.000.000đồng/1 tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm 16/6/2023 đến khi cháu Phong đủ 18 tuổi.

**4. Về án phí:** Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000061 ngày 10/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Chị Nguyễn Thị L phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo bản án:**

Chị Nguyễn Thị L, anh Phan Văn Đ hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Bảo Đài, Lục Nam;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**



